

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HC-ST

Ngày 26-3-2025

V/v “Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai
thuộc trường hợp thu hồi đất và
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chánh

Ông Trần Quốc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 257/2023/TLST- HC ngày 10/10/2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2024/QĐXXST-HC ngày 21/11/2024, Thông báo hoãn phiên tòa số 301/2024/TB-TA ngày 04/12/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 164/2025/TB-TA ngày 28/02/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số C B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V; địa chỉ: Số H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc H1, chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương B và ông Lê H2- Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

- Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Do ông Trần T1 khai phá sử dụng năm 1973 có giấy đăng ký đất ngày 18/12/1976, do Phòng quản lý nhà đất thị xã V xác nhận, sử dụng mục đích ở và canh tác nông nghiệp. Đến năm 1990 ông Trần T1 cho con gái là Trần Thị Bích H sử dụng.

Bà H có kê khai đăng ký diện tích 800m², tờ bản đồ số 3, thuộc thửa 520, loại đất T (thổ cư) được phường 9 cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 943-F9/ĐKRĐ cấp ngày 16/8/1990.

Đồng thời bà H có tên trong sổ đăng ký ruộng đất quyền số 01, số thứ tự 120, tờ bản đồ số 3, thuộc thửa 520 diện tích 800m², loại đất T (thổ cư) được Ban quản lý đất đai tỉnh B xác nhận ngày 12/12/1991.

Ngày 02/01/2001 bà H được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 438418 diện tích 830m² đất nông nghiệp thửa 520 tờ bản đồ số 3.

Ngày 28/11/2005 bà H xin tách thành hai thửa: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số AD 018151 diện tích 107,5m² đất nông nghiệp; Giấy CNQSDĐ số AD 018152 diện tích 722,5m² đất nông nghiệp.

Ngày 14/8/2007 bà H xin tách thành 04 thửa (đối với Giấy CNQSDĐ số AD 018152):

- Giấy CNQSDĐ số AI 815840 diện tích 159,5m² đất nông nghiệp thửa số 152 tờ bản đồ số 57;
- Giấy CNQSDĐ số AI 815841 diện tích 134,4m² đất nông nghiệp thửa số 266 tờ bản đồ số 57;
- Giấy CNQSDĐ số AI 815842 diện tích 180,8m² đất nông nghiệp thửa số 267 tờ bản đồ số 57;
- Giấy CNQSDĐ số AI 815843 diện tích 119m² đất nông nghiệp thửa số 268 tờ bản đồ số 57.

Phần diện tích đất giảm 128,8m² do trừ mở lối đi.

Ngày 26/12/2022 UBND thành P ban hành quyết định số 14131/QĐ-UBND thu hồi 130,2m² đất để thực hiện Cải tạo, nâng cấp đường P, phường Thắng Nhất. Cùng ngày, UBND thành phố V ban hành quyết định số 14152/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Bích H.

Diện tích thu hồi đủ điều kiện bồi thường 116,9m² thuộc 03 giấy CNQSDĐ: 45,8m² thuộc giấy CNQSD đất số AI 815842; 36,6m² thuộc giấy CNQSD đất số AI 815841; 34,5m² thuộc giấy CNQSD đất số AI 815840 cùng do UBND thành phố V cấp ngày 14/8/2007.

Bà H không đồng ý việc UBND thành phố V bồi thường diện tích 116,9m²

đất nông nghiệp tại Quyết định số 14152, bởi:

Bà H có tên trong Sổ Đăng ký ruộng đất diện tích 800m² thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 3, loại đất T (thổ cư) được Ban quản lý đất đai tỉnh B xác nhận ngày 12/12/1991. Đây là giấy tờ tại điểm b khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì diện tích 116,9m² đất bà H sử dụng đủ điều kiện bồi thường là đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Do đó, bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ một phần quyết định số 14152/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trần Thị Bích H, địa chỉ kể hẻm số: 01 đường P, phường T, thành phố V do nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, P.Thắng N, cụ thể yêu cầu hủy nội dung tại Mục A Điều 1 của Quyết định này.

- Buộc UBND thành phố V phải xác định lại diện tích 116,9m² tại thửa số 152, 266, 267 tờ bản đồ số 57 (tương ứng thửa 122+123+124 tờ bản đồ THĐ) tọa lạc tại Phường T, thành phố V là đất ở (khi thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T).

II. Người bị kiện UBND thành phố V tại Văn bản số 1197/UBND-PTQĐ ngày 05/02/2024 trình bày:

* Nguồn gốc sử dụng diện tích đất thu hồi theo xác nhận của UBND phường T:

Diện tích đất thu hồi 130,20m² gồm 3 phần:

- Phần 1: Diện tích 40,1m², trong đó:

+ Diện 34,5m² đất có nguồn gốc do ông (bà) Trần T1 khai phá năm 1973-1990, đến ngày 16/8/1990 được cấp giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất thuộc thửa 520, tờ 03 diện tích 800m². Ngày 02/01/2001, UBND tỉnh B cấp Giấy CNQSDĐ số R 438418 thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03, với diện tích 830m². Năm 2006, bà Trần Thị Bích H làm thủ tục tách thửa và được UBND thành phố Vũng cấp Giấy CNQSDĐ số AI 815840 ngày 14/8/2007 thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 57, diện tích 159,5m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất này thu hồi 34,5m².

+ Diện tích 5,6m² đất thu hồi, thuộc phần diện tích 5,5m² lề đường được thể hiện tại sơ đồ do Sở Địa chính xác nhận ngày 14/11/2000 và biên bản xác minh được U xác nhận ngày 28/8/2000. Bà H không kê khai đăng ký, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích trên.

- Phần 2: Diện tích 40,9m², trong đó:

+ Diện 36,6m² đất có nguồn gốc như phần diện tích 34,5m² nêu trên. Năm 2006, bà H làm thủ tục tách thửa và được UBND thành phố Vũng cấp Giấy CNQSDĐ số AI 815841 ngày 14/8/2007 thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 57, diện tích 134,4m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất này thu hồi diện tích 36,6m².

+ Diện tích 4,3m² đất thu hồi, thuộc phần diện tích 5,5m² lề đường. Bà H không kê khai đăng ký, không được cấp Giấy CNQSDĐ đối với phần này.

- Phần 3: Diện tích 49,2m², trong đó:

+ Diện 45,8m² đất có nguồn gốc như diện tích tích 36,6m² và 34,5m² nêu ở phần trên. Năm 2006, bà H làm thủ tục tách thửa và được UBND thành phố Vũng cấp Giấy CNQSDĐ số AI 815842 ngày 14/8/2007 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 57, diện tích 180,8m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất này thu hồi diện tích 45,8m².

+ Diện tích 3,4m² đất thu hồi, thuộc phần diện tích 5,5m² lề đường. Bà H không kê khai đăng ký, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích trên.

Trên đất không có nhà; có hàng rào tôn do bà H xây dựng năm 2021.

* Theo ý kiến thẩm tra của Phòng T3:

Trên cơ sở ý kiến xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của UBND phường T và qua kiểm tra, trong tổng diện tích 130,2m² đất thu hồi có:

+ Diện tích 45,8m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 815842; diện tích 36,6m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 815841; diện tích 34,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 815840 do UBND thành phố V cấp cùng ngày 14/8/2007.

Do đó các phần diện tích này đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

+ Diện tích 13,3m² còn lại không thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 815840, AI 815841, AI 815842 nêu trên. Do đó, không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 16/12/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14131/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 14152/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Trần Thị Bích H. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 897.171.600 đồng, trong đó:

+ Bồi thường giá trị QSD đất nông nghiệp 116,9m²: 895.921.600 đồng.

+ Bồi thường hoa màu: 1.250.000 đồng.

(Không bồi thường diện tích 13,3m² đất như đã nêu trên)

Phần diện tích đất thu hồi của bà Trần Thị Bích H loại đất nông nghiệp là trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND tỉnh B cấp năm 2001 và được UBND thành phố V cấp lại năm 2006 (do bà H tách thửa), nên UBND thành phố V bồi thường loại đất nông nghiệp là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013.

Bà H khởi kiện là không có cơ sở, UBND thành phố V đề nghị bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Bích H.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 130 và khoản 6 Điều 131 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H về việc: Hủy một phần quyết định số 14152/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V, cụ thể yêu cầu hủy nội dung tại Mục A Điều 1 của Quyết định này; Buộc UBND thành phố V phải xác định lại diện tích 116,9m² tại phần thửa số 152, 266, 267, tờ bản đồ số 57 (tương ứng thửa 122+123+124 tờ bản đồ THĐ) tọa lạc tại Phường T, thành phố V là đất ở (khi thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T).

Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính thì sự vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

[2] Đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Trần Thị Bích H khởi kiện yêu cầu hủy một phần (Mục A) Quyết định số 14152/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T (gọi tắt là quyết định 14152); buộc UBND thành phố V phải xác định lại diện tích 116,9m² tại phần thửa đất số 152, 266, 267 tờ bản đồ số 57 (tương ứng thửa 122+123+124 tờ bản đồ THĐ) tọa lạc tại Phường T, thành phố V là đất ở. Quyết định số 14152 là đối tượng khởi kiện trong vụ án. Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Quyết định bị khiếu kiện do UBND thành phố V ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11/8/2023 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định bị kiện thì thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 26/12/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14131/QĐ-

UBND về việc thu hồi 130,2m² đất do bà Trần Thị Bích H đang sử dụng để xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T.

Cùng ngày, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14152/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Bích H.

Đối chiếu điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau: “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày” và điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất “Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a, Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”.

Việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14152 là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về nội dung quyết định 14152:

[4.2.1] Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất. Do đó, có cơ sở xác định như sau:

Nguồn gốc diện tích đất 116,9m² (nằm trong 130,2m² đất thu hồi) là do ông Trần T1 khai phá từ năm 1973, có Giấy đăng ký đất ngày 18/12/1976 do Phòng quản lý nhà đất thị xã V xác nhận. Ngày 01/02/1990 ông Trần T1 làm giấy giao lại toàn bộ đất cho con gái là bà Trần Thị Bích H sử dụng canh tác.

Bà Trần Thị Bích H đã thực hiện kê khai đăng ký diện tích 800m² đất thổ cư tại UBND phường U và được UBND phường U cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 943-F9/ĐKRĐ ngày 16/8/1990 diện tích 800m², loại đất “T” thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03.

Ngày 02/01/2001, UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 438418 thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03, diện tích 830m² đất nông nghiệp cho bà Trần Thị Bích H.

Năm 2005, bà H làm thủ tục xin tách thành 02 thửa. Ngày 28/11/2005 bà H được UBND thành phố V cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy CNQSD đất số AD 018151 diện tích 107,5m² thuộc thửa, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây lâu năm khác; Giấy CNQSD đất số AD 018152 diện tích 722,5m², thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03, loại đất trồng cây lâu năm khác.

Năm 2006, bà H làm thủ tục xin tách diện tích 722,5m² thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03 thành 04 thửa. Ngày 14/8/2007 bà H được UBND thành phố V cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy CNQSD đất số AI 815841 diện tích 134,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 57.

- Giấy CNQSD đất số AI 815840 diện tích 159,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 57.
- Giấy CNQSD đất số AI 815842 diện tích 180,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 57.
- Giấy CNQSD đất số AI 815843 diện tích 119m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 268, tờ bản đồ số 57.

Phần diện tích giảm 128,8m² do trừ mở lối đi.

Theo Quyết định số 14152/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thành phố V, bà H bị thu hồi 130,2m², được bồi thường diện tích 116,9m² theo loại đất nông nghiệp, gồm: 45,8m² thuộc Giấy CNQSD đất số AI 815842; 36,6m² thuộc Giấy CNQSD đất số AI 815841 và 34,5m² thuộc Giấy CNQSD đất số AI 815840.

[4.2.2] Về yêu cầu xác định diện tích 116,9m² đất là đất ở:

Như đã phân tích ở phần trên, diện tích đất thu hồi là do ông Trần T1 khai phá từ năm 1973, sau đó để lại cho con gái là bà Trần Thị Bích H sử dụng. Bà H sử dụng có kê khai đăng ký, được U cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất.

Năm 2000, bà H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất, được U xác nhận tại Đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất ngày 28/8/2000 “nguồn gốc đất do ông Trần T1 khai phá và canh tác nông nghiệp liên tục từ năm 1973...Đất có ranh giới rõ ràng, không ai tranh chấp và đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước đầy đủ. Hiện trạng trên đất đang canh tác nông nghiệp”.

Ngày 02/01/2001, UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 438418 với diện tích 830m² đất nông nghiệp thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 03 cho bà H. Như vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu, trên đất canh tác nông nghiệp, không có nhà trên đất.

Theo kết quả rà soát của UBND phường T tại các Văn bản số 1204, 1205, 1206/UBND-ĐC ngày 14/9/2022 xác nhận về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, hiện trạng sử dụng nhà đất của bà Trần Thị Bích H phục vụ công tác bồi thường: bà Trần Thị Bích H không có nhà trên đất và không cư trú tại địa chỉ thu hồi đất, trên phần đất thu hồi có hàng rào tôn do bà H dựng năm 2021.

Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định “ Điều 103. Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao: 1. Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đất đang có nhà ở”

Bà H sử dụng đất không có nhà trên đất, nên không thuộc trường hợp được xác định là đất vườn, ao theo quy định Điều 103 Luật Đất đai. Do đó, không thuộc trường hợp xác định đất ở theo điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. UBND thành phố V xác định diện tích đất 116,9m² là đất nông nghiệp để bồi thường là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc UBND thành phố V phải xác định lại diện tích đất 116,9m² là đất nông nghiệp sang đất ở để tính giá trị bồi thường.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. 1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H về việc yêu cầu:

- Hủy một phần quyết định số 14152/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trần Thị Bích H, địa chỉ kế hẻm S đường P, phường T, thành phố V do nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T, cụ thể yêu cầu hủy nội dung tại Mục A Điều 1 của Quyết định này.

- Buộc UBND thành phố V phải xác định lại diện tích 116,9m² tại phần thửa số 152, 266, 267, tờ bản đồ số 57 (tương ứng thửa 122+123+124 tờ bản đồ THĐ) tọa lạc tại phường T, thành phố V là đất ở (khi thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường P, phường T).

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006264 ngày 03/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26-3-2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm TAND Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Hiếu